

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục 01 thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực thuế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và môi trường; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân phường, thị trấn và 01 thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Bình

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 967/QĐ-BTC ngày 25/6/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 422/TTr-STC ngày 14/9/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này gồm:

- Danh mục 01 (một) thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực thuế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

- Danh mục 01 (một) thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã tại Quyết định số 669/QĐ-UBND ngày 12/4/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực tài chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Bình tại Quyết định số 1864/QĐ-UBND ngày 17/8/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình,

(Có Phụ lục Danh mục thủ tục hành chính kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này; phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Yường*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử của tỉnh;
- Trung tâm PV HCC tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC. *Y*



Nguyễn Khắc Thận

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2702/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình).

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực thuế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và môi trường; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thái Bình

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
LĨNH VỰC THUẾ					
01	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	10	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả phường, thị trấn	Không	Quyết định số 967/QĐ-BTC ngày 25/6/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

B. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Bình

STT	Tên thủ tục hành chính	Lý do bãi bỏ
LĨNH VỰC TÀI CHÍNH		
01	Miễn giảm thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (Thủ tục số 01 Phần I, Phụ lục I, Quyết định số 669/QĐ-UBND ngày 12/4/2013 của UBND tỉnh)	Thủ tục hành chính không có trong các quyết định công bố thủ tục hành chính của Bộ Tài chính

PHẦN II. NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Thủ tục: Kê khai, thẩm định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải

1. Trình tự thực hiện

Bước 1: Tổ chức, cá nhân đi thực hiện thủ tục hành chính cần chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.

Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Bình hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả xã, phường, thị trấn. Cán bộ nhận hồ sơ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:

- Nếu hồ sơ hợp lệ thì vào sổ theo dõi, viết giấy hẹn thời gian trả kết quả.
- Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện bổ sung.

Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả theo giấy hẹn.

2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tới Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả phường, thị trấn. Hồ sơ phải có xác nhận văn bản đến của cơ quan có thẩm quyền, nếu gửi qua đường bưu điện thời gian được tính từ ngày đến trên phong bì.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

3.1. Thành phần hồ sơ:

- Đối với nước thải sinh hoạt: Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

- Đối với nước thải công nghiệp: Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời gian giải quyết: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức và cá nhân.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và môi trường; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân phường, thị trấn.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải hoặc điều chỉnh giảm số phí phải nộp vào kỳ nộp phí tiếp theo.

8. Phí, lệ phí: Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải (Mẫu 01 kèm theo).

- Tờ khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải (Mẫu 02 kèm theo).

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

- Quyết định số 967/QĐ-BTC ngày 25/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

MẪU SỐ 01
TÊN ĐƠN VỊ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
 ----- **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TỜ KHAI NỘP PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI SINH HOẠT

Quý Năm

Kính gửi: (tên cơ quan thu phí)

Tên đơn vị nộp phí:

Địa chỉ:.....

Điện thoại:Fax:..... Email:.....

Tài khoản số: Tại ngân hàng:

Số TT	Chỉ tiêu	
1	Số lượng nước sạch tự khai thác để sử dụng trong quý	...m ³
2	Giá bán nước sạch cho đối tượng sản xuất, kinh doanh dịch vụ tại địa phương	đồng/m ³
3	Mức phí áp dụng tại địa phương	...%
4	Số tiền phí phải nộp trong quý (=1 x 2 x 3)	...

Số tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt phải nộp ngân sách nhà nước (viết bằng chữ):

Tôi xin cam đoan số liệu kê khai trên đây là đầy đủ và chính xác./.

....., ngày ... tháng ... năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

MẪU SỐ 02

TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----TỜ KHAI NỘP PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP

Quý Năm

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên người nộp phí:

Địa chỉ:

MST:

--	--

--	--	--	--	--	--	--	--

--

--	--	--

Điện thoại: Fax: Email:

Tài khoản số: Tại ngân hàng:

Lĩnh vực sản xuất, chế biến:

Lượng nước sử dụng trung bình hàng ngày (m^3):

Phương pháp xử lý nước thải:

Lượng nước thải trung bình trong năm tính phí ($m^3/ngày$):

II. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG TRONG QUÝ TÍNH PHÍ

1. Số phí cố định phải nộp kỳ này: $f =$ đồng

2. Số phí biến đổi phải nộp trong quý:

a) Tổng lượng nước thải trong quý (m^3):

Căn cứ để kê khai tổng lượng nước thải trong quý:

b) Hàm lượng thông số ô nhiễm trong nước thải tính phí:

Thông số ô nhiễm	Hàm lượng (mg/l)	Căn cứ để kê khai hàm lượng thông số ô nhiễm (Ghi rõ tên đơn vị phân tích, thời gian phân tích)

c) Số phí biến đổi phải nộp trong quý: $C_q =$ đồng

3. Số phí phải nộp vào ngân sách nhà nước:

Số TT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Số phí phát sinh quý này $Fq = (f/4) + Cq$	
2	Số phí từ quý trước chưa nộp hoặc nộp thiếu (nếu có)	
3	Số phí nộp thừa từ quý trước (nếu có)	
4	Số phí phải nộp vào ngân sách nhà nước $(1 + 2 - 3)$	

III. SỐ TIỀN PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI PHẢI NỘP VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC KỲ NÀY LÀ (viết bằng chữ)

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên đây là đúng với thực tế hoạt động của đơn vị./.

....., ngày tháng.... năm

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận
Tờ khai ngày

(Người nhận ký và ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ KHAI, NỘP PHÍ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

